



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 57
9. Phụ lục	58 - 66



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : 02906.553.399

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại số 2 đường 28, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025
Ông Đỗ Văn Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025
Ông Lee Min	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đăng Duân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Tấn - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMG.2026 ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0304/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 66, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.020.353.859.944	3.726.461.734.732
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		81.707.378.401	72.219.887.604
1. Tiền	111	V.1	81.707.378.401	72.219.887.604
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		239.192.697.946	207.380.106.167
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	239.192.697.946	207.380.106.167
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		818.377.417.843	960.288.406.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	336.289.002.938	455.154.845.985
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	112.422.280.169	375.706.729.214
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	369.666.134.736	129.426.831.533
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.762.532.602.080	2.415.978.462.301
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.916.113.335.911	2.554.959.642.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.6	(153.580.733.831)	(138.981.180.546)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		797.056.787	652.645.770
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.7	797.056.787	652.645.770
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		117.746.706.887	69.942.226.158
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3.731.742.603	2.288.895.353
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		42.795.934.451	61.395.224.708
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		6.258.106.097	6.258.106.097
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	64.960.923.736	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.078.107.006.735	1.064.373.165.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		637.295.072.844	671.591.986.685
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	469.998.943.339	492.626.447.783
- Nguyên giá	222		1.044.292.206.280	1.028.288.279.753
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(574.293.262.941)	(535.661.831.970)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	120.605.186.399	132.060.638.280
- Nguyên giá	225		231.762.006.489	218.249.735.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(111.156.820.090)	(86.189.097.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	46.690.943.106	46.904.900.622
- Nguyên giá	228		56.618.242.622	56.333.242.622
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.927.299.516)	(9.428.342.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		342.298.218.183	298.997.808.270
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.13	342.298.218.183	298.997.808.270
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		36.620.857.713	30.787.638.770
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	30.920.857.713	27.887.638.770
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	800.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	4.900.000.000	1.900.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		60.862.857.995	61.965.731.508
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	59.960.822.281	59.192.011.654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14a	902.035.714	2.773.719.854
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		5.098.460.866.679	4.790.834.899.965

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.355.435.302.734	3.039.336.824.167
I. Nợ ngắn hạn	310		2.733.154.178.857	2.357.211.632.899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	549.864.295.456	506.492.309.796
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	33.351.250.667	206.342.667.190
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.17	3.047.543.662	2.984.183.662
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.18	11.915.489.983	23.894.730.700
5. Phải trả người lao động	315	V.19	41.128.697.303	32.690.009.752
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	17.187.611.360	15.096.235.528
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21a	24.889.182.269	17.530.147.107
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.22a	2.049.875.056.241	1.550.286.297.248
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.895.051.916	1.895.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		622.281.123.877	682.125.191.268
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338	V.21b	425.000.000	425.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.22b	621.856.123.877	681.700.191.268
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.743.025.563.945	1.751.498.075.798
I. Vốn chủ sở hữu	400		1.743.025.563.945	1.751.498.075.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.018.989.900.000	1.018.989.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.018.989.900.000	1.018.989.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23	242.813.940.000	242.813.940.000
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	479.579.319	479.579.319
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	5.558.699.915	(11.715.400.367)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		(11.715.400.367)	(11.715.400.367)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		17.274.100.282	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		475.183.444.711	500.930.056.846
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.098.460.866.679	4.790.834.899.965


Trần Quốc Phong
Người lập
Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật3815-0
IG TY TI
OÁN VÀ
A&C
HI NHÁP
Y NAM
HỦ - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.012.415.831.425	1.521.163.001.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.980.073.480	3.301.377.688
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.002.435.757.945	1.517.861.624.142
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.726.930.154.066	1.243.533.690.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.505.603.879	274.327.933.459
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	29.443.054.034	20.990.063.174
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	105.013.862.253	109.908.333.638
Trong đó: chi phí đi vay	24		93.563.326.603	66.869.314.818
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	94.520.516.211	73.751.504.835
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	55.845.097.109	52.849.438.233
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	V.2b	3.033.218.943	1.451.451.656
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.602.401.283	60.260.171.583
13. Thu nhập khác	31	VI.8	3.491.218.613	1.243.009.055
14. Chi phí khác	32	VI.9	2.759.107.424	3.238.425.120
15. Lợi nhuận khác	40		732.111.189	(1.995.416.065)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.334.512.472	58.264.755.518
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	8.871.920.185	11.460.767.845
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	1.871.684.140	(1.004.232.282)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42.590.908.147</u>	<u>47.808.219.955</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>34.087.108.144</u>	<u>31.214.356.198</u>
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>8.503.800.003</u>	<u>16.593.863.757</u>
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>335</u>	<u>306</u>
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>335</u>	<u>306</u>

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập


Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Tấn
TƯQ Người đại diện theo pháp luật



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.334.512.472	58.264.755.518
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	64.098.111.071	66.967.398.529
- Các khoản dự phòng	03	V.6	14.599.553.285	2.680.841.504
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	4.433.827.520	31.580.340.974
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(7.139.011.318)	(4.662.710.775)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	93.563.326.603	66.869.314.818
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		222.890.319.633	221.699.940.568
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		161.563.507.094	(170.520.632.097)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(361.298.104.081)	(565.819.934.814)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(150.413.848.646)	361.935.715.540
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.277.657.877)	(42.787.164.812)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(91.877.022.672)	(60.407.648.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(1.605.042.842)	(2.562.776.630)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.941.259.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(223.017.849.391)	(260.403.760.455)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(69.532.853.372)	(5.075.582.988)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(124.299.997.320)	(238.390.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.159.636.713	75.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.000.060.000)	(200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a, VI.4	2.712.625.646	2.052.041.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(189.760.648.333)	(165.913.541.214)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a, b	3.396.210.039.698	2.649.564.106.335
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a, b	(2.949.668.688.305)	(2.334.534.722.109)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22a	(21.409.336.733)	(15.883.849.749)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		425.132.014.660	299.145.534.477
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.353.516.936	(127.171.767.192)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.219.887.604	166.150.844.088
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.866.026.139)	3.080.860.527
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	81.707.378.401	42.059.937.423


Trần Quốc Phong
Người lập


Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn thủy sản và gia công thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex		Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh	74,03%	74,03%	74,03%	74,03%
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác và bán buôn thủy sản	78,44%	78,44%	99,01%	99,01%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	95,64%	95,64%	99,97%	99,97%
Công ty Cổ phần Camimex Farm ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Nuôi tôm	73,35%	65,95%	77,86%	67,86%
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish ^(iv)	Thửa đất số 457, tờ bản đồ số 5, khu tái định cư ấp Thuận Điền, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	59,26%	59,26%	61,96%	61,96%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Công ty nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.
- (ii) Công ty nắm giữ 83,3% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Foods và 16,67% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.
- (iii) Công ty nắm giữ 60,51% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Farm và 17,35% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.
- (iv) Công ty nắm giữ 61,96% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Camimex Thảo Anh Fish thông qua Công ty Cổ phần Camimex Foods.

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khóm 3, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.885 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.864 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư số 99/2025/TT-BTC, Thông tư số 43/2026/TT-BTC để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "CMX" theo Quyết định số 234/2010/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 11 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09 tháng 11 năm 2010. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 101.898.990 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND”) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội tại thời điểm mua, phần chiết khấu được phân bổ dần trong suốt kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp lãi suất thực, ghi tăng giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; phần phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp tương tự, ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường). Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 03 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 03 năm).

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (không quá 50 năm).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí.

9. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học là các tài sản sống do Tập đoàn quản lý, kiểm soát quá trình biến đổi sinh học nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nắm giữ để bán, bao gồm vật nuôi có khả năng tăng trưởng, sinh sản, suy thoái hoặc sản xuất ra tài sản sinh học mới hay sản phẩm nông nghiệp.

Tài sản sinh học của Tập đoàn là cá tra nuôi thương phẩm, thuộc loại súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần: là súc vật nuôi nhằm mục đích lấy sản phẩm sau một lần thu hoạch để bán. Tập đoàn không nuôi cá bố mẹ hoặc cá giống để sinh sản.

Tài sản sinh học được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời gian dự kiến thu hoạch còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán:

- Tài sản sinh học ngắn hạn: tôm nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường, kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Tài sản sinh học dài hạn: tôm nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận và đo lường ban đầu

Tài sản sinh học được ghi nhận ban đầu theo giá gốc khi phát sinh. Giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua, chăm sóc, nuôi dưỡng tính đến thời điểm ghi nhận, bao gồm: giá mua con giống, chi phí vận chuyển, đào ao/cải tạo ao nuôi, thức ăn, thuốc và hóa chất phòng, trị bệnh thủy sản, nhân công chăm sóc và các chi phí trực tiếp khác có liên quan. Trường hợp các chi phí phát sinh không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của Tập đoàn (ví dụ hao hụt do sự cố ngoài định mức phát sinh trong quá trình nuôi) thì được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, không được vốn hóa vào giá gốc tài sản sinh học.

Đo lường sau ghi nhận ban đầu

Toàn bộ chi phí phát sinh tiếp tục được tích lũy vào giá trị ghi sổ cho đến thời điểm thu hoạch, không trích khấu hao. Khi thu hoạch, toàn bộ giá trị ghi sổ lũy kế được kết chuyển sang giá thành



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

sản phẩm nông nghiệp (hàng tồn kho) trong kỳ thu hoạch. Sau thời điểm thu hoạch, cá thu hoạch được kế toán và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy tài sản sinh học bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán tài sản sinh học đó. Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng tổn thất tài sản sinh học được thực hiện tương tự như đối với hàng tồn kho và hạch toán vào giá vốn hàng bán:

- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ lớn hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được trích lập bổ sung, ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ nhỏ hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Trường hợp Tập đoàn bị tổn thất tài sản sinh học do thiên tai, dịch bệnh, hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác dẫn đến phải tiêu hủy/loại bỏ trước thời điểm thu hoạch bình thường, phần giá trị tổn thất được bù đắp bằng dự phòng đã trích lập (nếu có); phần chênh lệch còn lại (nếu số tổn thất thực tế cao hơn số dự phòng đã trích lập) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44
Máy móc và thiết bị	03 - 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	06



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định
Máy móc và thiết bị

Số năm
05

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (33 - 43 năm).
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (5 năm).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03-05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Phải trả cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công. Giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công được theo dõi riêng và thuyết minh trên Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Tập đoàn, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Tập đoàn và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	11.715.477.373	10.650.163.981
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.991.901.028	58.585.371.503
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	21.220.946.410	20.315.733.419
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau	114.451.609	15.367.671.837
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh	10.761.308.386	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cần Thơ</i>		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.025.900.778	35.883.543
Các ngân hàng khác	22.869.293.845	22.866.082.704
Tiền đang chuyển	-	2.984.352.120
Cộng	81.707.378.401	72.219.887.604

- (i) Trong đó, khoản tiền gửi không kỳ hạn của Công ty Cổ phần Camimex Group tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau với giá trị ghi sổ là 21.197.314.386 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.16).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>239.192.697.946</i>	<i>239.192.697.946</i>		<i>207.380.106.167</i>	<i>207.380.106.167</i>	
Tiền gửi có kỳ hạn	239.192.697.946	239.192.697.946	-	207.380.106.167	207.380.106.167	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau</i> ⁽ⁱ⁾	2.766.600.000	2.766.600.000	-	2.766.600.000	2.766.600.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cà Mau</i> ⁽ⁱⁱ⁾	8.700.000.000	8.700.000.000	-	8.700.000.000	8.700.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau</i> ⁽ⁱⁱ⁾	86.823.509.671	86.823.509.671	-	130.117.303.564	130.117.303.564	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre</i> ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i> ⁽ⁱⁱ⁾	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau</i> ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
<i>Các ngân hàng khác</i> ⁽ⁱⁱ⁾	14.254.200.000	14.254.200.000	-	18.574.200.000	18.574.200.000	-
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu</i>	6.648.388.275	6.648.388.275	-	2.222.002.603	2.222.002.603	-
<i>Dài hạn</i>	<i>4.900.000.000</i>	<i>4.900.000.000</i>		<i>1.900.000.000</i>	<i>1.900.000.000</i>	
Tiền gửi có kỳ hạn	3.020.000.000	3.020.000.000	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau</i> ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</i> ⁽ⁱⁱ⁾	20.000.000	20.000.000	-	-	-	-
Cho vay	1.880.000.000	1.880.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-
<i>Cho Bà Nguyễn Phan Hoài Xuyên vay</i> ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.880.000.000	1.880.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-
Cộng	244.092.697.946	244.092.697.946	-	209.280.106.167	209.280.106.167	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau bị phong tỏa để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư xây dựng nghiên cứu sản xuất thủy sản công nghệ cao.

- (ii) Trong đó, các khoản tiền gửi cuối kỳ với giá trị ghi sổ là 232.777.709.671 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản cho Bà Nguyễn Phan Hoài Xuyên vay tín chấp theo Hợp đồng cho vay số 01/HĐV/CMF-HX ngày 06 tháng 8 năm 2024, kỳ hạn tối đa 03 năm, lãi suất 10%/năm, trả lãi khi kết thúc hợp đồng vay. Công ty đánh giá khoản cho vay này có khả năng thu hồi đầy đủ và không phải trích lập dự phòng tổn thất.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị ⁽ⁱ⁾	2.155.000.000	-	2.155.000.000	2.155.000.000	-	2.155.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn ⁽ⁱⁱ⁾	22.273.837.101	6.492.020.612	28.765.857.713	22.273.837.101	3.458.801.669	25.732.638.770
Cộng	24.428.837.101	6.492.020.612	30.920.857.713	24.428.837.101	3.458.801.669	27.887.638.770

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200698186 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị là 2.155.000.000 VND, số còn phải đầu tư thêm là 2.745.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.225.000 cổ phiếu, tương đương 24,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (số đầu năm là 1.225.000 cổ phiếu, tương đương 24,5% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	2.155.000.000	-	2.155.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	25.732.638.770	3.033.218.943	28.765.857.713
Cộng	27.887.638.770	3.033.218.943	30.920.857.713

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch giữa Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition ⁽ⁱ⁾	800.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	800.000.000	-	1.000.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition đang thực hiện thủ tục giải thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	943.470.780	-
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	-	-	943.470.780	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	336.289.002.938	-	454.211.375.205	-
Cmc Seafood Corporation	1.265.030.803	-	43.605.619.420	-
Blue Circle Food	4.760.366.389	-	-	-
Metro Richelieu Inc.	15.139.281.858	-	23.131.267.761	-
Coop Cooperative (tên cũ Coop, Basel)	-	-	17.523.266.791	-
I.Schroeder KG. (GmbH & Co)	-	-	20.183.598.000	-
Ông Hà Văn Bằng	117.502.156.000	-	235.011.355.900	-
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Xuân Nguyễn	24.907.459.033	-	-	-
Gourmet Systems Limited	37.196.679.924	-	-	-
Zehui Co.,LTD	29.791.448.181	-	-	-
Các khách hàng khác	105.726.580.750	-	114.756.267.333	-
Cộng	336.289.002.938	-	455.154.845.985	-

Một số công nợ phải thu cuối kỳ có tổng giá trị ghi sổ là 113.066.972.440 VND (số đầu năm là 143.845.183.830 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	1.917.333.707
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	-	1.917.333.707
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	112.422.280.169	373.789.395.507
Công ty TNHH Cơ điện lạnh TKT	9.339.696.296	-
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn	37.444.234.285	294.768.566.217
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	14.256.347.875	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM	25.729.681.600	15.645.599.000
Các nhà cung cấp khác	25.652.320.113	63.375.230.290
Cộng	112.422.280.169	375.706.729.214



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 37.662.405.256 VND (số đầu năm là 19.642.879.295 VND).

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	499.999.999	-	700.000.000	-
Ông Đỗ Văn Hải - Tạm ứng	-	-	700.000.000	-
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Tạm ứng	499.999.999	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	369.166.134.737	-	128.726.831.533	-
Tạm ứng	8.934.769.226	-	6.305.680.744	-
Cmc Seafood Corporation - phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽ⁱ⁾	114.943.081.195	-	-	-
Ông Nguyễn Xuân Toán - Tạm ứng	-	-	61.429.581.534	-
Ông Hà Văn Bằng - khoản ký quỹ cọc mua cổ phần	66.500.000.000	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	30.038.214.009	-	37.100.366.645	-
GOURMET SYSTEMS LIMITED - phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	37.026.350.124	-	4.301.361.740	-
ZEHUI CO.,LTD - phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-	7.247.083.196	-
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn - tiền tạm ứng mở rộng vùng nuôi	75.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	36.723.720.183	-	12.342.757.674	-
Cộng	369.666.134.736	-	129.426.831.533	-

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	86.541.263.254	-	99.728.912.226	-
Công cụ, dụng cụ	2.000.345.503	-	1.737.571.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	465.322.880	-	428.200.403	-
Thành phẩm	2.741.128.269.457	(153.580.733.831)	2.334.932.448.672	(138.981.180.546)
Hàng hóa	85.978.134.817	-	118.132.510.318	-
Cộng	2.916.113.335.911	(153.580.733.831)	2.554.959.642.847	(138.981.180.546)

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 1.044.604.526.501 VND (số đầu năm là 834.451.171.480 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	138.981.180.546	81.035.505.166
Trích lập dự phòng bổ sung	14.599.553.285	2.680.841.504
Số cuối kỳ	<u>153.580.733.831</u>	<u>83.716.346.670</u>

7. Tài sản sinh học ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn</i>				
Tôm ⁽ⁱ⁾	797.056.787	797.056.787	652.645.770	652.645.770
Cộng	<u>797.056.787</u>	<u>797.056.787</u>	<u>652.645.770</u>	<u>652.645.770</u>

- (i) Tập đoàn nuôi tôm thương phẩm, chi tiết như sau:
- Vùng nuôi An Khánh tại xã An Khánh, tỉnh Cà Mau
+ diện tích 16,7 ha
+ chu kỳ nuôi 5 - 6 tháng/lứa.

Đây là súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có chu kỳ ngắn hạn. Toàn bộ sản lượng được xuất bán khi đạt trọng lượng 20 gram/con. Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu qua hệ thống thương lái và các cơ sở chế biến tôm xuất khẩu.

Không có biến động dự phòng tổn thất của tài sản sinh học ngắn hạn trong kỳ.

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí đánh giá và cấp chứng nhận Organic EU	-	162.898.669
Công cụ, dụng cụ	766.318.699	1.373.596.348
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	311.259.694	544.422.517
Chi phí thuê hệ thống điện mặt trời	1.013.124.000	-
Tiền thuê đất trả trước	835.939.675	166.750.000
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	805.100.535	41.227.819
Cộng	<u>3.731.742.603</u>	<u>2.288.895.353</u>

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất (*)	47.035.382.194	47.850.628.912
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.545.184.256	5.771.668.065
Công cụ, dụng cụ	4.289.672.704	4.800.694.610
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.090.583.127	769.020.067
Cộng	<u>59.960.822.281</u>	<u>59.192.011.654</u>

(*) Toàn bộ chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.049.115.028 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a và V.22b).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bị phong tỏa ⁽ⁱ⁾	23.206.769.236	-
Tiền gửi bị phong tỏa ⁽ⁱⁱ⁾	41.754.154.500	-
Cộng	64.960.923.736	-

(i) Khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông, hiện đang bị phong tỏa để thế chấp khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22a). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau với số tiền lần lượt là 24.154.154.500 VND và 17.600.000.000 VND, hiện đang bị phong tỏa để cầm cố khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22a). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 287.675.348.496 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a và V.22b).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	218.249.735.786
Thuê tài chính trong kỳ	13.512.270.703
Số cuối kỳ	231.762.006.489
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	86.189.097.506
Khấu hao trong kỳ	24.967.722.584
Số cuối kỳ	111.156.820.090
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	132.060.638.280
Số cuối kỳ	120.605.186.399

Danh mục tài sản cố định thuê tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống lạnh	59.705.526.657	27.862.579.111	31.842.947.546
Hệ thống lạnh và dây chuyền Nobashi	38.124.946.957	34.312.452.263	3.812.494.694
Hệ thống máy nén lạnh Mycom	27.360.566.514	13.680.283.259	13.680.283.255

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Các tài sản cố định thuê tài chính khác	106.570.966.361	35.301.505.457	71.269.460.904
Cộng	231.762.006.489	111.156.820.090	120.605.186.399

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	54.568.008.890	1.765.233.732	-	56.333.242.622
Mua trong kỳ	-	-	285.000.000	285.000.000
Số cuối kỳ	54.568.008.890	1.765.233.732	285.000.000	56.618.242.622
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.111.045.808	-	1.111.045.808
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	7.962.921.781	1.465.420.219	-	9.428.342.000
Khấu hao trong kỳ	428.036.142	70.921.374	-	498.957.516
Số cuối kỳ	8.390.957.923	1.536.341.593	-	9.927.299.516
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	46.605.087.109	299.813.513	-	46.904.900.622
Số cuối kỳ	46.177.050.967	228.892.139	285.000.000	46.690.943.106

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại phường Long Trường, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	25.200.006.417	-	25.200.006.417
Quyền sử dụng đất CD358859	5.651.075.523	574.964.093	5.076.111.430
Quyền sử dụng đất CA162037	13.650.513.408	1.809.727.133	11.840.786.275
Các tài sản cố định vô hình khác	12.116.647.274	7.542.608.290	4.574.038.984
Cộng	56.618.242.622	9.927.299.516	46.690.943.106

Một số quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm máy tính có giá trị còn lại theo sổ sách là 43.733.215.650 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Tập đoàn đã thế chấp máy phân cỡ tôm 11 hộc với giá trị theo sổ sách cuối kỳ là 18.124.230.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (xem thuyết minh số V.22b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 0 VND (cùng kỳ năm trước là 3.348.336.270 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập hoãn lại

14a. Thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.773.719.854	(1.871.684.140)	902.035.714
Cộng	2.773.719.854	(1.871.684.140)	902.035.714

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay không được trừ với số tiền là 120.364.953.188 VND.

Chi tiết chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2022	5.915.940.640
Năm 2023	12.067.259.892
Năm 2024	29.324.901.682
Năm 2025	37.945.775.790
Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	35.111.075.184
Cộng	120.364.953.188

Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai đủ để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.850.000	515.333.339
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	-	501.461.938
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	1.850.000	13.871.401
Phải trả các nhà cung cấp khác	549.862.445.456	505.976.976.457
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	99.266.053.067	71.944.944.674
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	21.707.624.438	2.918.101.367
Công ty TNHH MTV Phương Việt CM	10.519.495.098	-
Zehui Co.,Ltd	40.464.294.884	70.933.451.751
Công ty TNHH MTV Thủy Hải Sản Chí Linh	-	14.191.855.481
Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	-	11.266.154.530
LX_International (Singapore) Pte Ltd	107.738.178.952	78.851.319.394
Các nhà cung cấp khác	270.166.799.017	247.629.537.305
Cộng	549.864.295.456	506.492.309.796

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 8.785.591.929 VND (số đầu năm là 3.059.819.740 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Coop Cooperative	23.867.788.250	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	2.637.272.381	2.637.272.381
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Xuân Nguyễn	-	198.474.806.382
LLC "Retail Service"	-	489.782.400
Shin Gang Corp	-	517.139.571
Các khách hàng khác	6.846.190.036	4.223.666.456
Cộng	33.351.250.667	206.342.667.190

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cổ tức phải trả cho các bên liên quan</i>	<i>550.461.685</i>	<i>487.101.685</i>
Ông Bùi Sĩ Tuấn	263.728.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	220.486.161	220.486.161
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác</i>	<i>2.497.081.977</i>	<i>2.497.081.977</i>
Các cổ đông khác	2.497.081.977	2.497.081.977
Cộng	3.047.543.662	2.984.183.662

Trong đó, khoản cổ tức phải trả đã quá thời hạn thanh toán là 2.984.183.662 VND (số đầu năm 2.984.183.662 VND). Khoản cổ tức này chậm thanh toán là do Công ty và các cổ đông thống nhất chưa thực hiện thanh toán nhằm tạo điều kiện cho Tập đoàn chủ động cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán khoản cổ tức này cho các cổ đông theo kế hoạch cân đối nguồn vốn trong thời gian tới.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế, 5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Công ty Cổ phần Camimex Logistic phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex Foods

Công ty Cổ phần Camimex Foods phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex Farm

Công ty Cổ phần Camimex Farm phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish nộp thuế thu nhập doanh



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ng nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group	653.096.598	734.155.672
Công ty Cổ phần Camimex	2.687.537.496	9.991.627.011
Công ty TNHH Camimex Organic	5.380.174.496	381.239.572
Công ty Cổ phần Camimex Foods	151.111.595	353.745.590
Cộng	8.871.920.185	11.460.767.845

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Mức tiền thuê (VND/năm)
- 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.292,2	513.903.667
- 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.347,3	213.897.713
- Số 969, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	21.752,8	672.879.362

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đi vay phải trả	16.163.732.044	14.477.428.113
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.023.879.316	618.807.415
Cộng	17.187.611.360	15.096.235.528

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>14.189.382</i>	-
Ông Bùi Đức Dũng - Phải trả tiền xăng xe	14.189.382	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.874.992.887</i>	<i>17.530.147.107</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.179.064.047	14.159.344.866
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.138.199.999	1.813.199.999
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.547.813.262	1.547.686.663
Cộng	24.889.182.269	17.530.147.107

21b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>
Vay Bà Lê Thị Diệu ^(xv)	2.000.000.000	1.450.000.000
Vay Ông Bùi Đức Dũng ^(xv)	-	170.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.797.781.205.762</i>	<i>1.299.595.991.025</i>
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	265.011.662.471	259.694.753.500
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	141.482.320.651	158.522.578.476
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	86.117.601.449	78.701.377.702
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng ^(iv)	290.276.105.300	254.714.024.683
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(v)	119.543.993.050	79.776.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(vi)	138.060.872.262	186.009.074.134
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cộng Hòa ^(vii)	201.857.287.784	54.013.300.441
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	18.700.000.000	20.000.000.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(ix)	38.278.400.704	27.984.462.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ ^(x)	40.000.000.000	40.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(xi)	127.494.530.400	64.729.502.600
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(xii)	199.108.779.321	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty mẹ: vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1452/26MN/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2026 để chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu thủy sản với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 3,6/năm), thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 60 ngày. Khoản vay này được đảm bảo bằng nguồn thu từ bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức L/C và TTR được kiểm tra, xác nhận hợp lệ đủ điều kiện chiết khấu theo quy định của HDBank (xem thuyết minh V.3).
- Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.6, V.10 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 800.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.6).
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Foods tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cộng Hòa theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CLC-71556-01 ngày 19 tháng 01 năm 2026 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cấp tín dụng là 250.000.000.000 VND, lãi suất quy định chi tiết theo từng khế ước nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 5% - 13%/năm), thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và quyền sử dụng đất của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3 và VII.1a).
- (viii) Khoản vay của Công ty TNHH Camimex Organic tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng vay số CLC-62909-01 ngày 07 tháng 11 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 VND và 1.000.000 USD, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.6).
- (x) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
- Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a, V.3 và V.6).
 - Công ty TNHH Camimex Organic: vay theo Hợp đồng vay số REF2535630870/HĐCV ngày 25 tháng 12 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

- Công ty Cổ phần Camimex Foods: vay tín chấp Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF25365609456/HĐCHMTD ngày 25 tháng 12 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thủy sản với hạn mức cấp tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất quy định chi tiết theo từng khế ước nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 8,5%-11,1%/năm), thời hạn vay không quá 4 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân.

(xii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.2a và V.3).

(xiii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Foods tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0410/2025/902-CV ngày 20 tháng 11 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cấp tín dụng là 250.000.000.000 VND, lãi suất quy định chi tiết theo từng khế ước nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 5% - 7,1%/năm), thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho của Công ty và quyền sử dụng đất của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.6 và VII.1b).

(xiv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để bổ sung vốn lưu động phục vụ trực tiếp việc quản lý, vận hành và sử dụng các tài sản thuê tài chính với hạn mức tín dụng là 8.500.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.10 và VII.1a).

(xv) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi để bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

(xvi) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Trái phiếu phát hành là trái phiếu có đảm bảo với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 210.420.000.000 VND dùng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 23/10/2026, trái phiếu được thanh toán gốc bằng 100% mệnh giá cộng với lãi trái phiếu chưa thanh toán đến ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 3 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định 11,2%/năm.

Tài sản đảm bảo: 25.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex thuộc sở hữu Công ty (xem thuyết minh số V.2b) và 9.871.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex thuộc sở hữu bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	555.282.382.466	606.200.351.218
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	719.989.000	879.991.000
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	81.301.592.260	92.397.273.808
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱⁱ⁾	281.750.000	330.050.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng ^(iv)	11.071.782.169	-
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(v)	734.000.000	-
Vay ResponsAbility SICAV (Lux) ^(vi)	49.359.268.302	54.292.659.564
Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif ^(vii)	56.953.000.735	62.645.376.846
Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(viii)	354.861.000.000	395.655.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	66.573.741.411	75.499.840.050
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm	21.204.946.589	27.691.698.035
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	585.000.000	975.000.000
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn không quá 05 năm	18.230.825.504	16.700.829.218
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	4.087.108.169	5.061.984.443
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	22.465.861.149	25.070.328.354
Cộng	621.856.123.877	681.700.191.268

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
 - Công ty Cổ phần Camimex Group: vay để mua xe ô tô với lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10%/năm, từ tháng thứ 7 là lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,4%, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào tháng 12



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10).

- Công ty Cổ phần Camimex Foods: vay theo Hợp đồng tín dụng số 202427816077 ngày 13 tháng 9 năm 2024 để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 10,6% - 12,4%), thời hạn vay không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu tiên vào ngày 01 tháng 10 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

(i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Foods tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng tín dụng số 202427816077 ngày 13 tháng 9 năm 2024 để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 10,6% - 12,4%), thời hạn vay không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu tiên vào ngày 01 tháng 10 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần Camimex: vay để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, phần mềm quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.8b, V.10, V.12 và VII.1a).

- Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish: vay để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 9,2%/năm, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

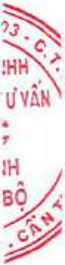
(iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 6 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

(iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng để mua máy móc thiết bị theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.13).

(v) Khoản vay của Công ty TNHH Camimex Organic tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để mua sắm tài sản cố định hữu hình với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 7 năm 2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

(vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

(vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

(viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 28.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex của Công ty mẹ và toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Cammex Organic có giá trị là 50.000.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	119.312.036.356	25.202.922.927	91.980.702.711	2.128.410.718
Vay dài hạn các tổ chức khác	548.647.235.378	87.473.966.341	421.744.269.037	39.429.000.000
Nợ thuê tài chính	106.972.523.581	40.398.782.170	66.573.741.411	-
Trái phiếu thường	209.695.068.309	209.695.068.309	-	-
Cộng	984.626.863.624	362.770.739.747	580.298.713.159	41.557.410.718
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	118.496.939.904	24.889.625.096	89.350.493.380	4.256.821.428
Vay dài hạn các tổ chức khác	560.804.328.803	48.211.292.393	433.462.036.410	79.131.000.000
Nợ thuê tài chính	115.924.779.057	40.424.939.007	75.499.840.050	-
Trái phiếu thường	208.645.367.216	208.645.367.216	-	-
Cộng	1.003.871.414.980	322.171.223.712	598.312.369.840	83.387.821.428

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	40.398.782.170	66.573.741.411	106.972.523.581
Lãi thuê phải trả	7.059.465.874	6.225.309.074	13.284.774.948
Nợ thuê tài chính phải trả	47.458.248.044	72.799.050.485	120.257.298.529

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	40.424.939.007	75.499.840.050	115.924.779.057
Lãi thuê phải trả	7.531.893.208	26.007.850.372	33.539.743.580
Nợ thuê tài chính phải trả	47.956.832.215	101.507.690.422	149.464.522.637

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	179.486.900.000	179.486.900.000
Ông Bùi Đức Dũng	77.346.900.000	77.346.900.000
Ông Hà Văn Bằng	134.517.370.000	134.517.370.000
Công ty TNHH ES VINA	154.287.000.000	149.120.000.000
Các cổ đông khác	473.351.730.000	478.518.730.000
Cộng	1.018.989.900.000	1.018.989.900.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.898.990	101.898.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu phổ thông	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu phổ thông	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.400.680.742	1.400.680.742
Trên 01 năm đến 05 năm	5.602.722.968	5.602.722.968
Trên 05 năm	30.495.564.883	31.195.905.254
Cộng	37.498.968.593	38.199.308.964

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 2.292,2 m² đất tại 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam với giá thuê là 513.903.667 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 34 năm tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê 2.347,3 m² đất tại 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam với giá thuê là 213.897.713 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2002.
- Tổng số tiền thuê 21.752,8 m² đất tại số 969, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam với giá thuê là 672.879.362 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 32 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

24b. Tài sản cầm cố, thế chấp

Chi tiết từng loại tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp được trình bày ở Phụ lục 07 đính kèm.

24c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.937.844,5	1.051.562,60
Rúp Nga (RUB)	4.340	-

24d. Nợ khó đòi đã xử lý

Nguyên tệ	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	(USD)	VND	(USD)	VND	
Mazzetta	493.754,07	11.373.625.002	493.754,07	11.373.625.002	Không có khả năng thu hồi
Cmc Seafood Corporation	110.000	2.389.180.590	110.000	2.389.180.590	Không có khả năng thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	96.725,51	5.192.940.962	96.725,51	5.192.940.962	Không có khả năng thu hồi
Cộng		<u>18.955.746.554</u>		<u>18.955.746.554</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	159.312.625.127	449.175.406.949
Doanh thu bán thành phẩm	1.850.868.640.045	1.055.763.866.379
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.612.208.653	15.706.928.502
Doanh thu cho thuê tài sản	622.357.600	516.800.000
Cộng	<u>2.012.415.831.425</u>	<u>1.521.163.001.830</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	22.615.250	-
Hàng bán bị trả lại	9.956.648.230	3.301.377.688
Giảm giá hàng bán	810.000	-
Cộng	9.980.073.480	3.301.377.688

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	150.623.057.912	433.577.072.979
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.561.423.610.097	795.148.337.028
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	283.932.772	12.127.439.172
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.599.553.285	2.680.841.504
Cộng	1.726.930.154.066	1.243.533.690.683

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	65.715.356	37.556.700
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.139.011.318	4.662.710.775
Lãi ứng trước tiền hàng	7.863.160.044	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.375.167.316	16.289.795.699
Cộng	29.443.054.034	20.990.063.174

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	93.563.326.603	66.869.314.818
Chi phí lãi vay	75.621.009.102	49.769.471.057
Chi phí lãi trái phiếu	11.686.669.150	11.686.669.150
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.049.701.093	1.049.701.093
Chi phí lãi thuê tài sản tài chính	5.205.947.258	4.363.473.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.016.708.130	11.458.678.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.433.827.520	31.580.340.774
Cộng	105.013.862.253	109.908.333.638

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.153.224.632	3.327.868.507
Chi phí vật liệu, bao bì	399.792.214	370.944.245
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	170.884.997	150.737.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.550.938	101.263.429

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài		65.162.584.028	46.348.336.529
Các chi phí khác		25.483.479.402	23.452.354.502
Cộng		94.520.516.211	73.751.504.835
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên		27.360.084.181	22.460.873.038
Chi phí vật liệu quản lý		51.003.558	18.567.262
Chi phí đồ dùng văn phòng		510.334.674	568.928.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định		5.154.549.978	5.133.209.173
Thuế, phí và lệ phí		973.348.603	613.799.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.116.621.351	1.169.462.924
Các chi phí khác		20.679.154.764	22.884.598.063
Cộng		55.845.097.109	52.849.438.233
8. Thu nhập khác			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường		1.299.395.000	192.360.586
Thu hộ xử lý nước thải		588.274.950	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ		-	802.327.931
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh		850.000.000	-
Thu nhập khác		753.548.663	248.320.538
Cộng		3.491.218.613	1.243.009.055
9. Chi phí khác			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh		1.159.448.580	1.159.448.580
Phạt do vi phạm hợp đồng		311.314.672	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính		640.686.126	1.341.529.811
Lãi quá hạn		-	5.518.823
Xử lý công nợ		289.342.004	334.645.792
Chi phí khác		358.316.042	397.282.114
Cộng		2.759.107.424	3.238.425.120

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.439.013.693	355.299.821
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(567.329.553)	(1.359.532.103)
Cộng	1.871.684.140	(1.004.232.282)

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	34.087.108.144	31.214.356.198
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	34.087.108.144	31.214.356.198
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	101.898.990	101.898.990
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	335	306

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	112.675.959.348	433.577.072.979
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.416.282.537.022	630.778.587.849
Chi phí nhân công	126.739.566.957	111.793.966.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.938.662.491	66.967.398.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.487.542.156	71.599.715.207
Chi phí khác	53.171.499.412	55.417.892.369
Cộng	1.877.295.767.386	1.370.134.633.751

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Chia lợi nhuận ở công ty con	63.360.000	-
Tạm ứng	499.999.999	-
Thu tiền tạm ứng	700.000.000	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền	54.250.000.000	250.000.000
Trả tiền vay	53.870.000.000	250.000.000

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.15, V.17, V.21a và V.22a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	268.596.908	48.000.000	316.596.908
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
Ông Đỗ Văn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	-	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	210.196.752	48.000.000	258.196.752
Ông Lee Min	Thành viên Hội đồng quản trị	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		478.793.660	336.000.000	814.793.660
Kỳ trước				
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	224.071.274	48.000.000	272.071.274
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025)	-	32.774.194	32.774.194
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025)	-	32.774.194	32.774.194
Ông Đỗ Văn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	-	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	194.153.913	15.483.871	209.637.784
Ông Lee Min	Thành viên Hội đồng quản trị	-	15.483.871	15.483.871
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	7.741.935	7.741.935
Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2025)	-	15.866.667	15.866.667
Cộng		418.225.187	336.124.732	754.349.919

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị với Công ty
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có thành viên góp vốn có mối quan hệ mật thiết với kế toán trưởng Công ty
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH TS Hưng Thuận (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ)	Công ty có thành viên góp vốn lớn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị		
Góp vốn bằng tiền	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
Mua hàng hóa	7.709.040.000	-
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition		
Thu hồi vốn góp	200.000.000	-
Mua tài sản cố định	1.221.818.182	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Mua hàng hóa	64.550.000	-
Công ty TNHH TS Hưng Thuận (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ)		
Mua hàng hóa		67.889.471.800
Vay tiền không lãi suất		112.625.000.000
Trả tiền vay		112.625.000.000

Việc mua hàng hóa, tài sản cố định từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	421.115.205.579	229.508.519.002
Nước ngoài	1.581.320.552.366	1.288.353.105.140
Cộng	2.002.435.757.945	1.517.861.624.142

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư số 99/2025/TT-BTC, Thông tư số 43/2026/TT-BTC được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư số 99/2025/TT-BTC, Thông tư số 43/2026/TT-BTC có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư số 99/2025/TT-BTC, Thông tư số 43/2026/TT-BTC không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	205.158.103.564	2.222.002.603	207.380.106.167	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	131.648.834.136	(2.222.002.603)	129.426.831.533	(i)
Hàng tồn kho	141	2.555.612.288.617	(652.645.770)	2.554.959.642.847	(ii)
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	-	652.645.770)	652.645.770	(ii)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	1.900.000.000	1.900.000.000	(iii)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.984.183.662	2.984.183.662	(iv)
Phải trả ngắn hạn khác	320	20.514.330.769	(2.984.183.662)	17.530.147.107	(iv)

(i) Các điều chỉnh bao gồm:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn: tăng do phân loại lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu.
- Phải thu ngắn hạn khác: giảm do phân loại lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu.

(ii) Các điều chỉnh bao gồm:

- Hàng tồn kho: giảm do phân loại cá tra nuôi thương phẩm, thuộc loại súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần theo Thông tư 99.
- Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn: tăng do phân loại cá tra nuôi thương phẩm, thuộc loại súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần theo Thông tư 99.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tăng do phân loại các khoản cho vay.

(iv) Các điều chỉnh bao gồm:

- Phải trả cổ tức, lợi nhuận: tăng do phân loại cổ tức phải trả theo Thông tư 99.
- Phải trả ngắn hạn khác: giảm do phân loại cổ tức phải trả theo Thông tư 99.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tập đoàn ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng giá trị hàng tồn kho theo giá gốc là 2.916.113.335.911 VND, dự phòng giảm giá đã trích lập là 153.580.733.831 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tập đoàn thực hiện đánh giá khả năng tổn thất của tài sản sinh học trên cơ sở tình trạng sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, giá bán dự kiến, chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí tiêu thụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc xác định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như biến động giá thị trường, điều kiện thời tiết, dịch bệnh, tỷ lệ sống, năng suất thu hoạch và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá trị kinh tế của tài sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét tình trạng thực tế của tài sản sinh học, kết quả kiểm kê, diễn biến giá thị trường, tỷ lệ hao hụt thực tế và các thông tin liên quan. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học không thấp hơn giá trị ghi sổ, do đó Tập đoàn không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng phát sinh tổn thất đáng kể đối với tài sản sinh học là không cao trong điều kiện sản xuất và thị trường hiện tại. Đánh giá này được thực hiện dựa trên kết quả theo dõi quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, diễn biến giá bán trong thời gian gần đây và kế hoạch tiêu thụ trong thời gian tới.

Để hạn chế rủi ro tổn thất tài sản sinh học, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm kê và đánh giá tình trạng tài sản sinh học định kỳ;
- Theo dõi chặt chẽ quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt và năng suất dự kiến;
- Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát chất lượng theo quy trình kỹ thuật;
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất và thu hoạch phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tiêu thụ;
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá thị trường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Tập đoàn ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp ra dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình với cơ quan thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

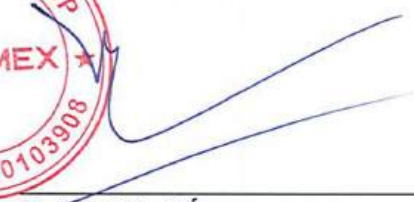
5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập


Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

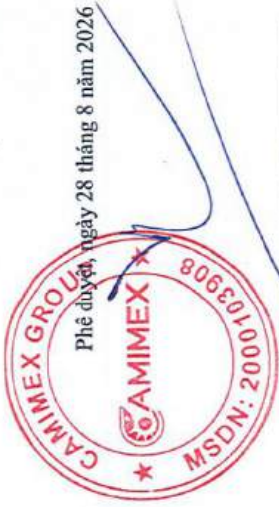
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	458.293.485.476	486.617.963.521	77.500.221.941	5.746.608.815	130.000.000	1.028.288.279.753
Mua trong kỳ	6.408.824.019	4.735.621.135	3.575.644.108	-	-	14.720.089.262
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.185.827.294	98.009.971	-	-	-	1.283.837.265
Số cuối kỳ	465.888.136.789	491.451.594.627	81.075.866.049	5.746.608.815	130.000.000	1.044.292.206.280
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	65.749.379.849	130.358.515.388	6.350.367.739	3.579.940.238	130.000.000	206.168.203.214
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	184.729.251.900	306.119.575.498	40.462.857.006	4.220.147.566	130.000.000	535.661.831.970
Khấu hao trong kỳ	16.061.757.633	19.028.880.695	3.441.719.549	99.073.094	-	38.631.430.971
Số cuối kỳ	200.791.009.533	325.148.456.193	43.904.576.555	4.319.220.660	130.000.000	574.293.262.941
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	273.564.233.576	180.498.388.023	37.037.364.935	1.526.461.249	-	492.626.447.783
Số cuối kỳ	265.097.127.256	166.303.138.434	37.171.289.494	1.427.388.155	-	469.998.943.339

Trong đó:
Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý



Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển vào chỉ phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	33.895.230.638	18.222.239.971	(98.009.971)	-	52.019.460.638
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre	5.679.583.703	-	-	-	5.679.583.703
- Máy phân cỡ tôm 11 hộc	-	18.124.230.000	-	-	18.124.230.000
- Các tài sản khác	28.215.646.935	98.009.971	(98.009.971)	-	28.215.646.935
Xây dựng cơ bản dở dang	265.102.577.632	26.755.395.869	(1.185.827.294)	(393.388.662)	290.278.757.545
- Công trình nhà xưởng Foods	50.553.780.572	-	-	-	50.553.780.572
- Văn phòng giao dịch Foods	18.207.940.000	-	-	-	18.207.940.000
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp 1	128.564.067.037	26.158.335.785	-	(200.000.000)	154.522.402.822
- Dự án đầu tư xây dựng nghiên cứu sản xuất thủy sản công nghệ cao	24.102.610.068	-	-	-	24.102.610.068
- Các công trình khác	43.674.179.955	597.060.084	(1.185.827.294)	(193.388.662)	42.892.024.083
Cộng	298.997.808.270	44.977.635.840	(1.283.837.265)	(393.388.662)	342.298.218.183



Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 03: Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	883.819.777	-	897.744.888	(1.619.194.935)	162.369.730	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	479.777.232	(479.777.232)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.258.106.097	-	-	-	6.258.106.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.505.384.062	-	8.871.920.185	(1.605.042.842)	9.518.162.516	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.202.501.306	-	706.099.419	(772.226.510)	1.103.650.721	-
Thuế tài nguyên	17.086.400	-	122.493.200	(113.484.800)	26.094.800	-
Thuế nhà đất	-	-	38.006.892	(38.006.892)	-	-
Tiền thuế đất	206.702.884	-	1.115.267.896	(543.142.565)	778.828.215	-
Các loại thuế khác	30.802.027	-	1.759.538.266	(1.362.271.007)	326.384.001	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	48.434.244	-	95.463.125	(143.897.369)	-	-
Cộng	23.894.730.700	6.258.106.097	14.086.311.103	(6.677.044.152)	11.915.489.983	6.258.106.097

Đơn vị tính: VND

(*) Giảm theo các Quyết định hoàn thuế của Cục thuế tỉnh Cà Mau

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026
CAMIMEX GROUP
AMIMEX
MSDN: 2000103908
Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 04: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND						
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Chênh lệch tỷ giá
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.620.000.000	54.250.000.000	-	(53.870.000.000)	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.299.595.991.025	3.328.319.268.698	62.633.311.970	(2.893.942.632.751)	-	1.175.266.820
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	40.424.939.007	-	21.383.179.896	(21.409.336.733)	-	-
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	208.645.367.216	-	-	-	1.049.701.093	-
Cộng	1.550.286.297.248	3.382.569.268.698	84.016.491.866	(2.969.221.969.484)	1.049.701.093	1.175.266.820
						2.049.875.056.241
						2.000.000.000
						1.797.781.205.762
						40.398.782.170
						209.695.068.309
						2.049.875.056.241

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhấn
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 05: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	606.200.351.218	13.640.771.000	(1.856.055.554)	(62.633.311.970)	(69.372.228)	555.282.382.466
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ	75.499.840.050	12.457.081.257	-	(21.383.179.896)	-	66.573.741.411
Cộng	681.700.191.268	26.097.852.257	(1.856.055.554)	(84.016.491.866)	(69.372.228)	621.856.123.877

Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Trần Quốc Phong
Người lậpHuỳnh Công Nhân
Kế toán trưởngHuỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 06: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Cộng					
Số dư đầu năm trước	1.018.989.900.000	241.575.000.000	479.579.319	(71.714.401.725)	474.031.122.746
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	31.214.356.198	16.593.863.757
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	(2.763.297.297)	1.524.357.297
Tăng, giảm do hợp nhất kinh doanh	-	1.238.940.000	-	(6.524.063.890)	78.954.932
Số dư cuối kỳ trước	1.018.989.900.000	242.813.940.000	479.579.319	(49.787.406.714)	492.228.298.732
Số dư đầu năm nay	1.018.989.900.000	242.813.940.000	479.579.319	(11.715.400.367)	500.930.056.846
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	34.087.108.144	8.503.800.003
Công ty con chia lợi nhuận	-	-	-	-	(63.360.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong kỳ này	-	-	-	(16.813.007.862)	(34.187.052.138)
Số dư cuối kỳ này	1.018.989.900.000	242.813.940.000	479.579.319	5.558.699.915	475.183.444.711
					(51.000.060.000)
					1.743.025.563.945

Trần Quốc Phong

Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhân

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Huỳnh Văn Tấn

TUQ Người đại diện theo pháp luật



Địa chỉ: Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tiền (xem thuyết minh số V.1)	21.197.314.386	21.197.314.386		
Tiền gửi không kỳ hạn	21.197.314.386	21.197.314.386	Theo hợp đồng vay	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem thuyết minh số V.2)	232.777.709.671	204.488.740.462		
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	229.777.709.671	204.488.740.462	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ
				- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Cà Mau
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	3.000.000.000	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau;
Phải thu của khách hàng (xem thuyết minh số V.3)	113.066.972.440	143.845.183.830		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113.066.972.440	143.845.183.830	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ
Phải thu ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.5a)	114.943.081.195	-		
Cmc Seafood Corporation - Phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	114.943.081.195	-	Theo hợp đồng vay	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre
Hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6)	1.044.604.526.501	834.451.171.480		



Giá trị sổ sách

Thành phẩm, hàng hóa	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	1.044.604.526.501	834.451.171.480	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Liệu - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau - Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông
Chi phí chờ phân bổ dài hạn (xem thuyết minh số V.8b)	47.035.382.194	47.850.628.912		
Chi phí thuê đất	46.049.115.028	46.846.320.274	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre
Chi phí thuê đất	986.267.166	1.004.308.638	Theo hợp đồng vay	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau
Tài sản ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.9)	64.960.923.736	-		
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	24.154.154.500	-	Theo hợp đồng vay	Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	17.600.000.000	-	Theo hợp đồng vay	
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	23.206.769.236	-	Theo hợp đồng vay	Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông
	23.206.769.236			
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10)	287.675.348.496	167.048.824.720		
Các tài sản cố định hữu hình khác	287.675.348.496	167.048.824.720	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Liệu - Chi nhánh Cà Mau - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chatlease.



	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.12)	43.733.215.650	44.011.440.250		
Quyền sử dụng đất	43.583.404.108	44.011.440.250	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau
Chương trình phần mềm máy tính	149.811.542	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thuyết minh số V.13)	18.124.230.000	-		
Mua sắm tài sản cố định - Máy phân cỡ tôm 11 học	18.124.230.000	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng
Cộng	1.923.157.780.533	1.462.893.304.040		

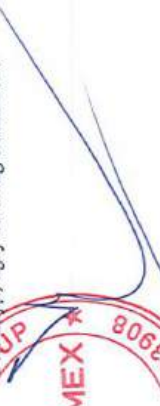


Trần Quốc Phong
Người lập



Phiếu duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Tấn
TUQ Người đại diện theo pháp luật





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn